TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 07-4-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa;

2. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Trọng Khánh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 166/2023/QĐST-DS ngày 21/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T1.

Địa chỉ: Tầng B, tòa nhà R, số I đường Đ, phường A, quận D, TP ..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty T1: Bà Lương Hoàng Y; địa chỉ: Tầng I, tòa nhà R, số I đường Đ, phường A, quận D, TP . đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy uỷ quyền ngày 18 tháng 3 năm 2022); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Lương Hoàng Y có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 04 năm 2022 của Công ty T1, tại các bản tự khai, biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, có trình bày:

Vào 20/07/2019, ông Trương Ngọc T có ký hợp đồng tín dụng số 20190725-0000046 với Công ty T2 (Nay là Công ty T1) vay số tiền 30.595.000 đồng để tiêu dùng cá nhân với lãi suất thỏa thuận 3.08%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Trương Ngọc T có trách nhiệm thanh toán số tiền 44.542.881 đồng (gồm cả gốc lẫn lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.822.811 đồng, tháng cuối cùng trả 2.618.228 đồng. Bắt đầu từ ngày 05/09/2019.

Thực hiện hợp đồng, ông Trương Ngọc T đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho VPB SMBC FC 4 lần với tổng số tiền 7.364.000 đồng bao gồm 3.287.359 đồng nợ gốc và 4.076.641 đồng nợ lãi. Kể từ ngày 26/06/2020 đến nay, ông Trương Ngọc T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do ông Trương Ngọc T trễ hạn thanh toán nên Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Ngọc T thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số nợ tính đến 05/08/2021 là 37.178.881 đồng, bao gồm:

+ Trả toàn bộ khoản nợ gốc tính đến 05/08/2021: 27.307.641 đồng.
+ Trả toàn bộ khoản nợ lãi tính đến 05/08/2021: 9.871.240 đồng.

Ngoài yêu cầu trên, Công ty T1 không yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh.

Bị đơn ông Trương Ngọc T đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, ông Trương Ngọc T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn ông Trương Ngọc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trương Ngọc T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 4 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14/8/2017 của Ngân hàng N, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 số tiền nợ tính đến ngày 05/08/2021 là 37.178.881 đồng (trong đó tiền gốc 27.307.641 đồng, tiền lãi 9.871.240 đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty T1 không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 05/08/2021. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Trương Ngọc T phải chịu theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty T1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Ngọc T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền vay gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Trương Ngọc T cư trú tại thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Trương Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Trương Ngọc T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về nội dung án:

[3.1] Vào 20/07/2019, ông Trương Ngọc T có ký hợp đồng tín dụng số 20190725-0000046 với Công ty T2 (Nay là Công ty T1) vay số tiền 30.595.000 đồng để tiêu dùng cá nhân với lãi suất thỏa thuận 3.08%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 44.542.881 đồng (gồm cả gốc lẫn lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.822.811 đồng, tháng cuối cùng trả 2.618.228 đồng; bắt đầu từ ngày 05/09/2019. Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền và sau đã thanh toán cho Công ty T1 4 lần với tổng số tiền 7.364.000 đồng (nợ gốc 3.287.359, nợ lãi 4.076.641 đồng). Từ ngày 26/06/2020 trở về sau, ông T không thực hiện việc trả nợ vay.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 về việc ông Trương Ngọc T thanh lý hợp đồng trả một lần số nợ tính đến đến ngày 05/08/2021 là 37.178.881 đồng (Nợ gốc: 27.307.641 đồng, nợ lãi: 9.871.240 đồng). Bị đơn ông Trương Ngọc T đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có văn bản trình bày ý kiến thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Công ty T1 yêu cầu ông Trương Ngọc T thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty số tiền nợ tính đến ngày 05/08/2021 là 37.178.881 đồng (Nợ gốc: 27.307.641 đồng, nợ lãi: 9.871.240 đồng) là phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận. Cần buộc ông Trương Ngọc T có nghĩa vụ trả một lần số tiền nợ này cho Công ty T1.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc bị đơn ông Trương Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong số tiền trả nợ cho Công ty T1 37.178.881 đồng x 5% = 1.858.944 đồng, lấy tròn số 1.859.000 đồng. Nguyên đơn Công ty T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty T1 929.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006402 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

[5] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2, khoản 4 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1.

1. Buộc ông Trương Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 số tiền là 37.178.881 đồng (trong đó tiền gốc 27.307.641 đồng, tiền lãi 9.871.240 đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty T1 không yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày 05/08/2021.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Ngọc T phải chịu số tiền 1.859.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Hoàn trả cho Công ty T1 929.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006402 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt qua mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh